

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DX
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/01/2021

“V/v ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX- TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

Các hội thẩm nhân dân:

Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Đình Lục và bà Trần Thị Minh Yến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: ông Lương Thị Sinh- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DX xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2020 về: “ ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXX-TA ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1972. Có mặt.

Bị đơn: anh Phạm Văn N, sinh năm 1970. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn MH, xã DH, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

NỘI D V U Á N

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DH vào năm 1989. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà đánh đập vợ con. Vợ chồng thường xuyên có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hay cãi vã dẫn đến không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trong nhiều năm, ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị D cương quyết ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên là Phạm Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/2/1990; Phạm Thanh T, sinh ngày 11/02/1996; Phạm Thanh V, sinh ngày

03/7/1999. Cả 03 con đều đã trưởng thành, có thể tự lao động, nuôi sống bản thân nên chị D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Phạm Văn N tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2020 như sau:

- Về hôn nhân: Anh N thống nhất với ý kiến của chị Nguyễn Thị D về việc vợ chồng kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DH vào năm 1989. Mâu thuẫn vợ chồng là do bà D thường hay ghen tuông với anh dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau. Vì quá mệt mỏi nên anh đã mua nhà riêng để có được cuộc sống yên tĩnh. Cả hai đã không còn sống chung 04 năm nay. Bản thân anh sống vẫn có trách nhiệm với gia đình và chăm lo cho các con. Anh cho rằng nay tuổi đã lớn, tình cảm vợ chồng vẫn còn, con cái gần lập gia đình nên nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con. Vì vậy, anh N không thống nhất ly hôn.

- Về con chung: anh N thống nhất theo ý kiến của chị D về 03 con chung như chị D đã trình bày. Anh N không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Anh N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về tham gia các buổi hòa giải và phiên tòa. Về nội D vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn N.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao)
- 03 giấy khai sinh (bản sao)
- 01 đơn xin xác nhận nơi cư trú.
- 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản sao)
- 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện DX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DH vào năm 1989. Hôn nhân anh chị là hợp pháp. Theo lời trình bày của anh chị và qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng của anh chị xuất phát từ việc cả hai có những bất đồng quan điểm sống và kéo dài trong nhiều năm. Do tính chất nghề nghiệp của anh N mà chị D hay ghen tuông, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau. Cả hai đều thừa nhận đã không còn chung sống với nhau hơn 04 năm nay. Anh N không thống nhất ly hôn nhưng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, động viên chị D rút đơn để đoàn tụ nhưng chị D vẫn cương quyết ly hôn, còn anh N thì không có thiện chí trong việc tham gia hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nay chị D đã không còn tình cảm vợ chồng với anh N, xét thấy, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn N, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: anh chị có 03 con chung tên là Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 02/2/1990; Phạm Thanh T, sinh ngày 11/02/1996; Phạm Thanh V, sinh ngày 03/7/1999. Cả 03 con đều đã trưởng thành, có thể tự lao động, nuôi sống bản thân, chị D và anh N đều không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng*: Anh chị đều không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 4773 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DX.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/01/2021). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND DX;
- THADS DX;
- Các đương sự;
- Ủy ban xã DH
(Tư pháp xã);
- Lưu HS,AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc

